

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 – 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3800237998 đăng ký lần đầu ngày 26/08/2002, thay đổi lần thứ 22 ngày 30/6/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AMERICAN VIETNAMESE BIOTECH INC

Tên Công ty viết tắt: AMVIBIOTECH INC

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty: Chi nhánh Công ty CP Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ tại Hà Nội là chi nhánh hạch toán Phụ thuộc, có địa chỉ tại Tầng 2, ô số 36 BT 5 Khu đô thị mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.311.056.500.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười một tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng). Tương đương với 131.105.650 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà nội với mã giao dịch là AMV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nakatani Yoshitaka	Chủ tịch HĐQT
Bà Đặng Nhị Nương	Thành viên HĐQT
Ông Lê Khánh Nguyên	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thu Thủy	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đặng Nhị Nương	Giám đốc
-------------------	----------

Người đại diện trước pháp luật của Công ty: Bà Đặng Nhị Nương

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động-kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Ban Giám đốc
Giám đốc

Đặng Nhị Nương



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số: 477/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
của Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ*

Kính gửi: Quý cổ đông ; Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ được lập ngày 24 tháng 08 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực

hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như thuyết minh tại Phụ lục số 2 – “Vay và nợ thuê tài chính”: Đến thời điểm 30/06/2023 khoản vay tại Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt phải trả là: 35.543.529.437VND (trong đó: đến hạn thanh toán tại thời điểm 30/6/2023 là: 28.645.433.437 VND) đã được Ngân hàng chấp thuận gia hạn thời gian trả nợ từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024 theo công văn số 700/2023/CV – BVBank ngày 18/8/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Hoàng Thị Khánh Vân
Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0371 -2023 -133 -1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Đơn vị tính: VND Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.146.747.009	307.093.810.192
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	2.441.296.800	34.705.706.149
1. Tiền	111		2.441.296.800	3.705.706.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	31.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		160.960.463.955	126.364.717.291
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	55.594.633.339	87.170.470.834
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	84.158.054.214	36.944.879.768
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	21.303.160.531	2.366.192.090
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	8	(95.384.129)	(116.825.401)
III. Hàng tồn kho	140	9	163.080.095.322	146.017.502.913
1. Hàng tồn kho	141		163.080.095.322	146.017.502.913
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		664.890.932	5.883.839
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14a	4.090.007	4.862.677
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		660.800.925	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	16	-	1.021.162
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.331.468.140.831	1.342.760.418.258
I. Tài sản cố định	220		61.172.587.643	66.846.908.919
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	34.469.847.353	37.868.801.499
- Nguyên giá	222		56.882.248.369	56.882.248.369
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.412.401.016)	(19.013.446.870)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	26.702.740.290	28.978.107.420
- Nguyên giá	228		50.061.257.745	50.061.257.745
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(23.358.517.455)	(21.083.150.325)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	26.588.372.787	26.498.372.787
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		26.588.372.787	26.498.372.787
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	1.243.707.180.401	1.249.190.104.937
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.259.430.000.000	1.259.540.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(15.722.819.599)	(10.349.895.063)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	225.031.615
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14b	-	225.031.615
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.658.614.887.840	1.649.854.228.450

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		128.437.773.300	123.687.366.165
I. Nợ ngắn hạn	310		128.437.773.300	123.687.366.165
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.747.119.020	4.591.400.745
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.000.000	21.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	149.289.197	1.358.997.033
4. Phải trả người lao động	314		379.320.837	306.437.808
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17a	7.415.216.276	5.061.224.741
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	75.947.294.320	75.990.136.333
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	35.778.533.650	36.358.169.505
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.530.177.114.540	1.526.166.862.285
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.530.177.114.540	1.526.166.862.285
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(395.300.000)	(395.300.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		219.515.914.540	215.505.662.285
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		215.505.662.285	184.123.647.209
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.010.252.255	31.382.015.076
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.658.614.887.840	1.649.854.228.450

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Minh Hoa

Kế toán trưởng



Lê Thị Việt Hà



Đặng Nhị Nương

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	22.695.683.188	46.140.508.739
2. Các khoản giảm trừ	02	22	3.028.000	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	22.692.655.188	46.140.508.739
4. Giá vốn hàng bán	11	24	17.608.603.626	39.860.562.424
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.084.051.562	6.279.946.315
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	10.184.796.592	10.007.191.132
7. Chi phí tài chính	22	26	7.939.706.048	4.358.953.388
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.355.993.265	2.843.771.186
8. Chi phí bán hàng	24	27	1.380.027.624	157.362.255
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	1.709.581.859	2.197.670.447
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		4.239.532.623	9.573.151.357
11. Thu nhập khác	31	29	-	1.542.544.427
12. Chi phí khác	32	30	229.280.368	231.995.441
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(229.280.368)	1.310.548.986
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.010.252.255	10.883.700.343
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	666.848.822
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.010.252.255	10.216.851.521

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu


Nguyễn Minh Hoa

Kế toán trưởng


Lê Thị Việt Hà



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Phương pháp gián tiếp
 6 tháng đầu năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.010.252.255	10.883.700.343
2. Điều chỉnh cho các khoản		3.268.562.857	(119.556.643)
- Khấu hao tài sản cố định	02	5.674.321.276	6.254.201.413
- Các khoản dự phòng	03	5.351.483.264	1.626.169.206
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.113.234.948)	(10.843.698.448)
- Chi phí lãi vay	06	2.355.993.265	2.843.771.186
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.278.815.112	10.764.143.700
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(15.234.085.155)	(21.231.304.112)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(17.062.592.409)	26.022.151.761
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	4.311.687.717	(5.033.477.059)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	225.804.285	138.963.614
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.001.730)	(710.968.838)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.335.636.262)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(21.818.008.442)	9.949.509.066
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(90.000.000)	(1.364.214.950)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	8.624.148.499
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(29.290.000.000)	(408.662.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	19.400.000.000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	113.234.948	7.191.132
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.866.765.052)	(401.394.875.319)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	399.747.590.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(579.635.855)	(8.163.589.521)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(579.635.855)	391.584.000.479
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(32.264.409.349)	138.634.226
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	34.705.706.149	2.691.465.681
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.441.296.800	2.830.099.907

Người lập biểu

Nguyễn Minh Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thị Việt Hà

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3800237998 đăng ký lần đầu ngày 26/08/2002, thay đổi lần thứ 22 ngày 30/6/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AMERICAN VIETNAMESE BIOTECH INC
Tên Công ty viết tắt: AMVIBIOTECH INC

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Lương, số 85 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty: Chi nhánh Công ty CP Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ tại Hà Nội là chi nhánh hạch toán Phụ thuộc, có địa chỉ tại Tầng 2, ô số 36 BT 5 Khu đô thị mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.311.056.500.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười một tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng). Tương đương với 131.105.650 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần

Số cán bộ công nhân viên tại văn phòng công ty đến thời điểm 30/6/2023 là: 16 người

Lĩnh vực kinh doanh:

Trang thiết bị y tế và hóa chất xét nghiệm y tế.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. (Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. (Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế);
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. (Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Kinh doanh địa ốc);
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Đại lý, môi giới, đấu giá. (Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá; Sản xuất sản phẩm từ plastic);

- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. (Chi tiết: Đầu tư tài chính);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. (Chi tiết: Chuyển giao công nghệ)

Cấu trúc công ty:

Tại thời điểm 30/6/2023 công ty có 17 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty con sở hữu gián tiếp. Cụ thể như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Các công ty sở hữu trực tiếp			
- Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Số 307 Đường Nguyễn Du kéo dài, phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	83,33%	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, bán buôn máy móc, thiết bị y tế
- Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh	99,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
- Công ty CP Phòng khám Bãi Cháy Kyoto	Tổ 4 khu 4 TT Bãi Cháy TP Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,00%	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung
- Công ty CP Phát triển Công nghiệp Vũng Áng Kyoto	Lô số B1 khu kinh tế Vũng Áng 1, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	98,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
- Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	Tầng 6, tòa nhà VTC online 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	98,00%	Lập trình máy tính
- Công ty CP PTCN Lạng Sơn Kyoto	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, Xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	99,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Phòng khám Hà Đông	Tầng 3 Số 1 Phúc Thịnh, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Hòa Bình	Số 83 Đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Việt Trì	Số 307 đường Nguyễn Du kéo dài, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Kỹ thuật cao Gia Lâm	18 BT5 Khu đô thị Pháp Vân - Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	Số 408 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	Số 16, Lầu 1, đường số 14, Khu vực 4, Phường III, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	Lầu 1 số 438 đường Lê Duẩn, khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Ngã Bảy	Số 96, Nguyễn Thị Minh Khai, Khu vực 3, Phường Ngã Bảy, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Leopard Solution	Số 34, Đường 79, Ấp Đình, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	75,00%	Lập trình máy tính
- Công ty CP Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	Lầu 1, Số 9 Tô Hiến Thành, Phường 4, Thành Phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, VN	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Các công ty sở hữu gián tiếp			
- Công ty CP Phòng khám Medicare Tân Thới Hiệp	402 Tân Thới Hiệp 07, Khu phố 4, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh	96,04%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Nhà Bè	568 Lê Văn Lương Ấp 3, xã Phước Kiển. Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh	96,04%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
- Phần mềm	10 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phân quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tài chính

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	1.355.309.709	3.680.190.256
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.085.987.091	25.515.893
Các khoản tương đương tiền	-	31.000.000.000
	2.441.296.800	34.705.706.149

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công ty CP Công nghệ cao G7 (*)	18.370.000.000	-
- Công ty CP Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ (**)	26.960.000.000	43.962.841.000
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ	6.000.000.000	20.001.952.500
- Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Aiko	2.878.618	8.060.747.422
- Các khách hàng khác	4.261.754.721	15.144.929.912
Cộng	55.594.633.339	87.170.470.834

(*) Phải thu Công ty CP Công nghệ cao G7: Theo Hợp đồng số 1605/2023/AMV-G7 ngày 16/5/2023 về việc cung cấp lò đốt rác kỹ thuật cao. Thời gian thanh toán: 210 ngày kể từ ngày giao hàng.

(**) Phải thu Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ theo Hợp đồng 2208/2022/HĐKT/AMV-BVVM ngày 22/08/2022 về việc cung cấp phần mềm Alma software, phần mềm Mach 7. Thời hạn thanh toán Hợp đồng: Trước 31/12/2023.

Số dư các bên liên quan	Bên liên quan	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
- Công ty CP Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ	Công ty con	26.960.000.000	43.962.841.000

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Công ty CP Phòng khám Bãi Cháy Kyoto	4.100.000.000	-
- Công ty CP Phát triển công nghệ Vững Áng Kyoto	5.000.000.000	-
- Công ty CP Phòng Khám Việt Trì	50.000.000.000	-
- Công ty TNHH Môi trường Y Tế Công Nghệ Cao (*)	24.935.000.000	35.880.000.000
- Các khách hàng khác	123.054.214	1.064.879.768
Cộng	84.158.054.214	36.944.879.768

(*) Khoản ứng trước cho Công ty TNHH Môi trường y tế Công nghệ cao theo Hợp đồng kinh tế số 3105/2021/HĐKT /CNC - AMV ngày 31/5/2021 về cung cấp lò đốt rác y tế và Hợp đồng kinh tế số 2611/2021/HĐKT/AMV-CNC ngày 26/11/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 25/05/2022 về cung cấp hệ thống PACS cho công ty CP SXKD và trang thiết bị Y tế Việt Mỹ.

b. Số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Phòng khám Bãi Cháy Kyoto	Công ty con	4.100.000.000	-
Công ty CP Phát triển công nghệ Vững Áng Kyoto	Công ty con	5.000.000.000	-
Công ty CP Phòng Khám Việt Trì	Công ty con	50.000.000.000	-

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- BHYT, BHTN	-	-	-	-
- Tạm ứng	916.320.758	-	807.644.083	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	386.839.773	-	1.512.684.993	-
- Phải thu khác	20.000.000.000	-	45.863.014	-
+ Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu (*)	10.000.000.000	-	-	-
+ Huỳnh Chí Cường (**)	10.000.000.000	-	-	-
+ Khác	-	-	45.863.014	-
	21.303.160.531	-	2.366.192.090	-

(*) Đây là khoản cổ tức năm 2021 của công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu. Khoản tiền này đã được công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu chuyển cho công ty vào thời điểm 17/7/2023 qua Ngân hàng Techcombank.

(**) Khoản còn phải thu ông Huỳnh Chí Cường về tiền chuyển nhượng cổ phần công ty Cổ phần Phòng khám KTC Techcare Bạc Liêu. Tổng số tiền thu về chuyển nhượng cổ phần là: 29.400.000.000 VND, số còn phải thu đến 30/6/2023 là: 10.000.000.000 VND. Khoản tiền này đã được khách hàng chuyển khoản vào Ngân hàng Techcombank tháng 7/2023.

Số dư bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
- Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	Công ty con	10.000.000.000	-

8. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Bệnh viện Lao và bệnh phổi Hậu Giang	35.168.802	-	35.168.802	17.584.401
- Bệnh Viện Quận 6	-	-	34.219.710	-
- Bệnh Viện Đa Khoa Thị Xã Bình Minh	24.333.750	-	24.333.750	-
- Bệnh Viện Đa Khoa Đồng Nai	18.537.296	-	18.537.296	-
- Công ty CP SXKD Sinh Phẩm Chuẩn Đoán Y Tế Việt Mỹ	-	-	10.336.214	-
- Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Phú Thọ	25.420.002	12.710.001	25.420.002	17.794.002
- Hội Đồng Khám Nghĩa Vụ Quân Sự TP Vinh Long	2.344.650	-	2.344.650	-
- Trung Tâm Y Tế TP Vinh Long	1.843.380	-	1.843.380	-
- Trung Tâm Y Tế Huyện Bình Tân - Vĩnh Long	446.250	-	-	-
Cộng	108.094.130	12.710.001	152.203.804	35.378.403

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng hoá	163.080.095.322	-	146.017.502.913	-
	163.080.095.322	-	146.017.502.913	-

(* Chi tiết Hàng hóa:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Phần mềm các loại	140.080.690.416	139.981.690.416
- Hàng hóa khác	22.999.404.906	6.035.812.497
Cộng	163.080.095.322	146.017.502.913

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND;

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	56.882.248.369	56.882.248.369
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	56.882.248.369	56.882.248.369
Hao mòn TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	19.013.446.870	19.013.446.870
Số tăng trong kỳ	3.398.954.146	3.398.954.146
- Trích khấu hao trong kỳ	3.398.954.146	3.398.954.146
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	22.412.401.016	22.412.401.016
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	37.868.801.499	37.868.801.499
Số cuối kỳ	34.469.847.353	34.469.847.353

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 31.965.466.993 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính : VND

Khoản mục	Phần mềm các loại	Bảng sáng chế	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số đầu năm	40.953.427.745	9.107.830.000	50.061.257.745
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	40.953.427.745	9.107.830.000	50.061.257.745
Hao mòn TSCĐ			
Số đầu năm	12.430.711.834	8.652.438.491	21.083.150.325
Số tăng trong kỳ	2.047.671.378	227.695.752	2.275.367.130
- Khấu hao trong kỳ	2.047.671.378	227.695.752	2.275.367.130
Số cuối kỳ	14.478.383.212	8.880.134.243	23.358.517.455
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	28.522.715.911	455.391.509	28.978.107.420
Tại ngày cuối kỳ	26.475.044.533	227.695.757	26.702.740.290

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

12. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Mua sắm TSCĐ	26.588.372.787	26.498.372.787
- Hệ thống máy tại các viện	2.953.624.566	2.953.624.566
- Hệ thống PACS tại các TTYT	23.634.748.221	23.544.748.221
Cộng	26.588.372.787	26.498.372.787

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(Chi tiết phụ lục 1)

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	4.090.007	4.862.677
- Chi phí khác	4.090.007	4.862.677
b. Dài hạn	-	225.031.615
- Vật tư, hóa chất khác		225.031.615
Cộng	4.090.007	229.894.292

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	7.594.223.178	7.594.223.178	271.525.789	271.525.789
- Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Công Nghệ Phương Đông	-	-	1.750.607.000	1.750.607.000
- Phải trả người bán khác	1.152.895.842	1.152.895.842	2.569.267.956	2.569.267.956
	8.747.119.020	8.747.119.020	4.591.400.745	4.591.400.745

Số dư với các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia VN	Công ty con	-	440.000.000

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	1.021.162	17.668.622	245.166.712	130.521.554	-	131.292.618
Thuế Xuất nhập khẩu	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.335.636.262	-	1.335.636.262	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	5.692.149	17.996.579	5.692.149	-	17.996.579
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	1.021.162	1.358.997.033	269.163.291	1.477.849.965	-	149.289.197

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	7.265.216.276	4.911.224.741
- Chi phí khác	150.000.000	150.000.000
Cộng	7.415.216.276	5.061.224.741

18. PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	75.947.294.320	75.990.136.333
+ Cổ tức phải trả 2019 (*)	75.924.090.000	75.924.090.000
+ Phải trả khác	23.204.320	66.046.333
Cộng	75.947.294.320	75.990.136.333

(*) Đây là khoản cổ tức 2019 phải trả cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/01/2021, tỷ lệ chi trả 20% (ngày thanh toán dự kiến là 28/2/2023 và 31/5/2023 . Đến thời điểm 24/02/2023, công ty đã có thông báo thay đổi ngày trả cổ tức là ngày 28/02/2024 và ngày 28/08/2024 (theo Nghị quyết số 2305/NQHĐQT/AMV ngày 23/5/2022 của HĐQT).

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Vay và nợ ngắn hạn	35.778.533.650	36.358.169.505
+ Nợ dài hạn đến hạn trả	35.778.533.650	36.358.169.505
- Vay và nợ dài hạn	-	-
Cộng	35.778.533.650	36.358.169.505

(Chi tiết các khoản vay xem Phụ lục 2)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU	a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	911.088.610.000	(175.000.000)	184.123.647.209	1.095.037.257.209
Tăng vốn trong năm trước	399.967.890.000	-	-	399.967.890.000
Lãi trong năm trước	-	-	31.382.015.076	31.382.015.076
Giảm khác	-	(220.300.000)	-	(220.300.000)
Số dư cuối năm trước	1.311.056.500.000	(395.300.000)	215.505.662.285	1.526.166.862.285

Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, Quận 7, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, TP. HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến
ngày 30/6/2023

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	1.311.056.500.000	(395.300.000)	215.505.662.285	1.526.166.862.285
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	4.010.252.255	4.010.252.255
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.311.056.500.000	(395.300.000)	219.515.914.540	1.530.177.114.540

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.311.056.500.000	911.088.610.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	399.967.890.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	1.311.056.500.000	1.311.056.500.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	131.105.650	131.105.650
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	131.105.650	131.105.650
- Cổ phiếu phổ thông	131.105.650	131.105.650
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.105.650	131.105.650
- Cổ phiếu phổ thông	131.105.650	131.105.650

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.695.683.188	46.140.508.739
	22.695.683.188	46.140.508.739

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Hàng bán bị trả lại	3.028.000	-
Cộng	3.028.000	-

23. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.692.655.188	46.140.508.739
	22.692.655.188	46.140.508.739

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa đã bán	17.608.603.626	39.860.562.424
- Giá vốn khác		
	17.608.603.626	39.860.562.424

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	113.234.948	7.191.132
- Chênh lệch tỷ giá	71.561.644	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.184.796.592	10.007.191.132

(*) Cổ tức kỳ này là khoản cổ tức năm 2021 của công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Lãi tiền vay	2.355.993.265	2.843.771.186
- Dự phòng đầu tư tài chính	5.372.924.536	1.515.182.202
- Chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	210.788.247	-
	7.939.706.048	4.358.953.388

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	76.249.796	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.377.828	157.362.255
- Chi phí khác bằng tiền	1.177.400.000	
Cộng	1.380.027.624	157.362.255

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC		
- Chi phí nhân công	1.046.961.823	978.033.782
- Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	5.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	528.061.308	1.103.649.661
- Chi phí khác bằng tiền	150.000.000	-
- Chi phí dự phòng	(21.441.272)	110.987.004
	1.709.581.859	2.197.670.447

29. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Thanh lý tài sản cố định	-	836.507.316
- Thu nhập khác	-	706.037.111
	-	1.542.544.427

30. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Khấu hao TSCĐ không phục vụ SXKD	227.695.752	227.695.752
- Chi phí khác	1.584.616	4.299.689
	229.280.368	231.995.441

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuế TNDN phải nộp kỳ này	-	666.848.822
Chi phí thuế TNDN	-	666.848.822

Chi tiết Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Nội dung	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.010.252.255	10.883.700.343
Các khoản điều chỉnh tăng	229.280.368	2.450.543.766
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	3.334.244.109
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	666.848.822

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.441.296.800		34.705.706.149	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.897.793.870	(95.384.129)	89.536.662.924	(116.825.401)
	79.339.090.670	(95.384.129)	124.242.369.073	(116.825.401)
Nợ phải trả tài chính			Số cuối kỳ	Số đầu năm
			VND	VND
Vay và nợ			35.778.533.650	36.358.169.505
Phải trả người bán, phải trả khác			84.694.413.340	80.581.537.078
Chi phí phải trả			7.415.216.276	5.061.224.741
			127.888.163.266	122.000.931.324

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.441.296.800			2.441.296.800
Phải thu khách hàng, phải thu khác	76.897.793.870	-		76.897.793.870
	79.339.090.670	-	-	79.339.090.670
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.705.706.149			34.705.706.149
Phải thu khách hàng, phải thu khác	89.536.662.924	-		89.536.662.924
	124.242.369.073	-	-	124.242.369.073

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	35.778.533.650	-		35.778.533.650
Phải trả người bán, phải trả khác	84.694.413.340	-		84.694.413.340
Chi phí phải trả	7.415.216.276	-		7.415.216.276
	127.888.163.266	-	-	127.888.163.266

Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, Quận 7, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, TP. HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến
ngày 30/6/2023

Số đầu năm			
Vay và nợ	36.358.169.505	-	36.358.169.505
Phải trả người bán, phải trả khác	80.581.537.078	-	80.581.537.078
Chi phí phải trả	5.061.224.741	-	5.061.224.741
	122.000.931.324	-	122.000.931.324

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong 6 tháng đầu năm 2023 công ty có thực hiện chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần Phòng Khám Techcare Bạc Liêu nhưng chưa thu đủ tiền, số tiền chưa thu đủ là: 10.000.000.000 VND (Số tiền này đã thu hồi đủ vào thời điểm tháng 7/2023). Do vậy, trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chỉ tiêu 09 - Thu hồi các khoản phải thu và chỉ tiêu 26 - Thu hồi góp vốn vào đơn vị khác sẽ không phản ánh số tiền này.

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)
Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	22.695.683.188	-	22.695.683.188
Chi phí bộ phận	17.608.603.626	-	17.608.603.626
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.087.079.562	-	5.087.079.562
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			3.089.609.483
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.997.470.079
Doanh thu hoạt động tài chính			10.184.796.592
Chi phí tài chính			7.939.706.048
Thu nhập khác			-
Chi phí khác			229.280.368
Thuế TNDN hiện hành			-
Lợi nhuận sau thuế			4.013.280.255

Đơn vị tính: VND

36. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Công ty con
Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	Công ty con
Công ty cổ phần Phòng khám Bãi cháy Kyoto	Công ty con
Công ty CP Phát triển công nghệ Vũng Áng Kyoto	Công ty con
Công ty CP Phòng khám Việt Trì	Công ty con
Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia	Công ty con
Bà Đặng Nhị Nương	Giám đốc

b. Giao dịch với bên liên quan

		Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Mua hàng hóa	7.350.000.000	-
	Thanh toán tiền hàng	7.350.000.000	-
	Bán hàng	-	21.400.000
	Bán tài sản thanh lý	-	8.624.000.000
	Mua vật tư, hóa chất	-	1.268.406.618
Công ty cổ phần Trung tâm xét nghiệm và MT Cần Thơ	Thu tiền cổ tức	-	964.838.800
Công ty cổ phần Phòng khám Bãi cháy Kyoto	Ứng tiền cho nhà cung cấp	4.100.000.000	-
Công ty CP Phát triển công nghệ Vũng Áng Kyoto	Ứng tiền cho nhà cung cấp	5.000.000.000	-
Công ty CP Phòng khám Việt Trì	Ứng tiền cho nhà cung cấp	50.000.000.000	-
Công ty CP sản xuất phần mềm quốc gia	Thanh toán tiền hàng	440.000.000	-
Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	Cổ tức 2021 được hưởng	10.000.000.000	10.000.000.000

* Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Bà Đặng Nhị Nương - Giám đốc công ty	121.000.000	121.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm 30/6/2023 và các thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH kiểm toán TTP kiểm toán; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh liên quan cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu

Nguyễn Minh Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thị Việt Hà

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023



Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ

Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, Quận 7, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, TP. HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Phụ lục 1

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	
Đầu tư góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	250.000.000.000	(10.859.533.841)	250.000.000.000	(7.211.559.813)	
Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	49.500.000.000	-	49.500.000.000	-	
Công ty CP Phòng khám Bãi cháy kyoto	49.000.000.000	(887.897.915)	49.000.000.000	(679.590.900)	
Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	68.000.000.000	-	49.000.000.000	-	
Công ty CP Phát triển Công nghiệp Vũng Áng Kyoto	59.290.000.000	-	49.000.000.000	-	
Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	29.400.000.000	-	29.400.000.000	-	
Công ty CP PTCN Lạng Sơn Kyoto	49.500.000.000	(226.317.179)	49.500.000.000	(182.607.825)	
Công ty CP Phòng khám Hà Đông	77.420.000.000	(718.761.393)	77.420.000.000	(462.092.238)	
Công ty CP Phòng khám Hòa Bình	122.500.000.000	(723.099.884)	122.500.000.000	(409.293.921)	
Công ty CP Phòng khám Việt Trì	106.820.000.000	(66.022.744)	106.820.000.000	(198.111.835)	
Công ty CP Phòng khám KTC Gia Lâm	77.420.000.000	(577.718.606)	77.420.000.000	(410.817.838)	

Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
 Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, Quận 7, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, TP. HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty	Số cuối kỳ		Dự phòng	Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)		Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	77.420.000.000		(1.175.382.076)	77.420.000.000	(444.202.158)
Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	77.420.000.000		(110.468.848)	77.420.000.000	(23.212.169)
Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	77.420.000.000		(306.374.157)	77.420.000.000	(208.318.610)
Công ty CP Phòng khám Medicare Ngã Bảy	77.420.000.000		-	77.420.000.000	-
Công ty CP Leopard Solution	6.000.000.000		-	6.000.000.000	-
Công ty CP Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	4.900.000.000		(71.242.956)	4.900.000.000	(20.775.433)
Công ty CP PK KTC TECHCARE Bạc Liêu	-		-	29.400.000.000	(99.312.324)
Cộng	1.259.430.000.000		(15.722.819.599)	1.259.540.000.000	(10.349.895.063)

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú.Mã Dương, Quận 7, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, TP. HCM.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Số 307 Đường Nguyễn Du kéo dài, phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	83,33%	83,33%	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	99,00%	99,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty CP Phòng khám Bãi cháy kyoto	Tổ 4 khu 4 TT Bãi Cháy TP Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,00%	98,00%	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung
Công ty CP Phát triển Công nghiệp Vũng Áng Kyoto	Lô số B1 khu kinh tế Vũng Áng 1, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	98,00%	98,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	Tầng 6, tòa nhà VTC online 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	98,00%	98,00%	Lập trình máy tính

Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, Quận 7, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, TP. HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP PTCN Lạng Sơn Kyoto	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, Xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	99,00%	99,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
Công ty CP Phòng khám Hà Đông	Tầng 3Só 1 Phúc Thịnh, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Hòa Bình	Số 83 Đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Việt Trì	Số 307 đường Nguyễn Du kéo dài, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Kỹ thuật cao Gia Lâm	18 BT5 Khu đô thị Pháp Vân - Từ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	Số 408 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	Số 16, Lầu 1, đường số 14, Khu vực 4, Phường III, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	Lầu 1 số 438 đường Lê Duẩn, khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
Công ty CP Phòng khám Medicare Ngã Bảy	Số 96, Nguyễn Thị Minh Khai, Khu vực 3, Phường Ngã Bảy, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, Quận 7, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, TP. HCM

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Leopard Solution	Số 34, Đường 79, Ấp Đình, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	75,00%	75,00%	Lập trình máy tính
Công ty CP Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	Lầu 1, Số 9 Tô Hiến Thành, Phường 4, Thành Phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, VN	98,00%	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

Phụ lục 2

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

NỘI DUNG	Số cuối kỳ		Số phát sinh		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay và nợ ngắn hạn	35.778.533.650	35.778.533.650	-	579.635.855	36.358.169.505	36.358.169.505	
Vay ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	
Nợ dài hạn đến hạn trả	35.778.533.650	35.778.533.650	-	579.635.855	36.358.169.505	36.358.169.505	
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (1)	235.004.213	235.004.213	-	-	235.004.213	235.004.213	
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Hà Nội (2)	35.543.529.437	35.543.529.437	-	579.635.855	36.123.165.292	36.123.165.292	
Cộng	35.778.533.650	35.778.533.650	-	579.635.855	36.358.169.505	36.358.169.505	

Chi tiết một số khoản vay:

(1). Vay Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội theo các Hợp đồng như sau:

*** Hợp đồng cho vay từng lần số 6782/17/TD-TT/II ngày 25/12/2017**

- Số tiền vay: 1.344.000.000 VND; Mục đích sử dụng vốn vay: đầu tư TSCĐ máy xét nghiệm phân tử tự động TRC READY-80
- Thời hạn cho vay: 60 tháng, ân hạn gốc 3 tháng; Lãi suất: 6 tháng đầu tiên là 11.7%/năm, sau đó điều chỉnh theo Abbank
- Biện pháp bảo đảm: tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 7324/17/TC-TT/II ngày 25/12/2017;
- Số dư tại thời điểm 30/06/2023: 235.004.213 VND (trong đó Nợ dài hạn đến hạn trả là: 235.004.213 VND).

(2). Vay Ngân hàng TMCP Bán Việt - CN Hà Nội:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0041900059900 ngày 28/11/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung ngày 06/07/2021 về việc điều chỉnh lịch trả nợ gốc. Cụ thể như sau:
+ Số tiền vay: 40.000.000.000 VND
- + Mục đích vay: Mua máy móc thiết bị y tế phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; Lãi suất vay: 11,5%/năm; Thời hạn vay: 48 tháng
- + Biện pháp bảo đảm: máy móc thiết bị y tế theo Hợp đồng thế chấp động sản số 0041900060000 ngày 28/11/2019.
- + Số dư vay tại 30/06/2023: 35.543.529.437 VND, trong đó số dư nợ dài hạn đến hạn trả: 35.543.529.437 VND (Số nợ gốc phải trả đến 30/6/2023 là: 28.645.433.437 VND)

- Theo công văn số 21.07/2023 ngày 21/7/2023 do AMV gửi Ngân hàng TMCP Bán Việt và đã được Ngân hàng Bán Việt chấp thuận: Công ty sẽ hoàn thành việc thanh toán cho Ngân hàng Bán Việt tiền gốc và lãi từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024.